| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN MINH**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 84/2023/DS-ST
Ngày: 25/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Bùi Văn Bảnh

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Đoàn Thị Huệ

Bà Hồ Thị Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ L** , sinh năm 1988

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:*

+ Anh **Danh C** , sinh năm 1981

+ Chị **Lê Thị Kim H** , sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Hoàng N ,** sinh năm 1986 (chồng chị L ), sinh năm 1986

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N : Chị **Nguyễn Thị Mỹ L** , sinh năm 1988

(Chị L , anh C có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Ngày 01/02/2023 vợ chồng anh C , chị H có vay của chị số tiền là 450.000.000đồng, có làm biên nhận do anh C viết và ký tên. Vợ chồng anh C hẹn bán đất xong sẽ trả, có ký giấy cam kết nhưng sau đó nhận tiền đất cũng không trả tiền cho chị. Mặc dù chị đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng anh C chỉ hứa hẹn mà không trả. Chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh C , chị H có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay gốc là 450.000.000đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 01/5/2023 là 3 tháng x 4.500.000đồng = 13.500.000đồng và tiếp tục tính lãi suất chậm trả cho đến khi án có hiệu lực.

* Bị đơn anh Danh C trình bày: Trước đây anh có vay tiền của chị L để làm nhà. Anh thừa nhận anh viết và ký tên vào biên nhận ngày 01/02/2023 và ký cam kết khi nào nhận tiền đất sẽ trả cho chị L cùng ngày 01/02/2023. Do hoàn cảnh khó khăn nên anh không có khả năng trả nợ cho chị L . Nay chị L khởi kiện thì anh đồng ý trả số tiền gốc cho chị L là 450.000.000đồng, xin chị L không tính lãi và trong khả năng của anh chỉ có thể trả mỗi tháng 7.000.000đồng.

* Bị đơn chị Lê Thị Kim H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lời trình bày.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng N thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của vợ là chị L .

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Nguyên đơn chị L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chị rút yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu vợ chồng anh C có nghĩa vụ trả lại chị số tiền vay gốc là 450.000.000đồng.

- Bị đơn anh C đồng ý trả nợ gốc số tiền là 450.000.000đồng. Do hoàn cảnh khó khăn anh xin trả dần làm 3 lần, trong 6 tháng đầu sẽ trả 100.000.000đồng, 6 tháng sau sẽ trả 175.000.000đồng, 6 tháng tiếp theo sẽ trả

175.000.000đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chị H vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Danh C , chị Lê Thị Kim H trả lại số tiền vay hai bên thỏa thuận với nhau. Do đó theo Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị Lê Thị Kim H vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H .

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chị L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi theo đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng anh C có nghĩa vụ trả lại chị số tiền vay gốc. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chị L khởi kiện cho rằng vợ chồng anh C , chị H vay tiền ngày 01/02/2023 để làm nhà, số tiền 450.000.000đồng, hẹn bán đất xong sẽ trả. Đến

hẹn không trả, chị đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng anh C chỉ hứa hẹn mà không trả nên chị khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, biên nhận ngày 01/02/2023, lời khai của các đương sự tại biên bản hòa giải ngày 21/7/2023 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hiện nay vợ chồng anh C , chị H còn nợ chị L số tiền vay gốc là 450.000.000đồng (bút lục 02, 25, 26). Đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị L là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đối với ý kiến của anh C cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả làm 3 lần, trong 6 tháng đầu sẽ trả 100.000.000đồng, 6 tháng sau sẽ trả 175.000.000đồng, 6 tháng tiếp theo sẽ trả 175.000.000đồng. Tuy nhiên chị L không đồng ý phương thức và thời gian trả nợ của anh C . Hội đồng xét xử đã giải thích, động viên đương sự thương lượng, thỏa thuận nhưng không thống nhất được với nhau. Mặt khác, theo quy định Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của anh C xin trả dần. Trường hợp anh C , chị H thực sự khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn để cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[6] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L , buộc vợ chồng anh C , chị H phải trả cho chị L số tiền là 450.000.000đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Anh C , chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 20.000.000đồng + 50.000.000đồng x 4% = 22.000.000đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L .

Buộc anh Danh C , chị Lê Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền vay gốc là 450.000.000đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Anh C , chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.000.000đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Chị L không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.300.000đồng (mười một triệu ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0001324 ngày 09/6/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Văn Bảnh**